

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **289/2024/KDTM-PT**
Ngày: 04 tháng 12 năm 2024
V/v: Tranh chấp HĐ xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai
Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh
Bà Lê Thúy Linh

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 11 và ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 196/2024/TLPT-KDTM ngày 17/10/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 690/2024/QĐXXPT-KDTM ngày 04/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần L1 (L1)

Địa chỉ: số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo pháp luật: ông C - Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H – cán bộ công ty cổ phần L1; Công ty L2; Trụ sở phòng 411, số E, phố L, phường H, quận H, TP Hải Phòng; Ủy quyền cho bà A. (Ông H và bà A có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là bà H1, là Luật sư thuộc Công ty luật TNHH 1-5 đoàn luật sư thành phố L2. (Có mặt)

Bị đơn: Công ty cổ phần Đ1 3

Địa chỉ: số C, phố A, phường Y, quận T, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông P - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền ông T, sinh năm 1975. Địa chỉ: P nhà A phố C, phường T, quận N, TP Hà Nội. (Ông T có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Công ty cổ phần L3 (VẮNG MẶT) Trụ sở: Tòa nhà L, phố T, phường T, quận N, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/7/2006 Công ty cổ phần L1 và Công ty L3 ký Hợp đồng liên danh số 89/HĐLD 2006 về việc thành lập liên danh với mục đích tham gia đấu thầu gói thầu số NĐ-13: Gia công và lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công Dự án Thủy điện N. Ngày 28/10/2006, hai bên tiếp tục ký phụ lục Hợp đồng số 173/PL-HĐLD phân chia lại công việc, giá trị phần công việc Công ty cổ phần L1 thực hiện là 17.781.351.204 đồng, phần giá trị công việc mà Công ty cổ phần L3 thực hiện là 7.772.472.528 đồng.

Ngày 22/11/2006, Công ty cổ phần Đ1 3 và liên danh nhà thầu gồm L1 và Công ty L3 ký Hợp đồng kinh tế số 18/HĐ-XD Gói thầu NĐ- 13: Gia công lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công nhà máy T1 Dự án: Thủy điện T1 và IV. Giá trị Hợp đồng tạm tính là 25.042.747.257 đồng. Việc thanh toán được thực hiện theo tiến độ và theo giá trúng thầu trên cơ sở nghiệm thu khối lượng, chất lượng thi công giữa hai bên và các đơn vị tư vấn.

Ngày 12/11/2007, Công ty cổ phần Đ1 3 và Liên danh nhà thầu ký Phụ lục hợp đồng số 66-PL/HĐ-XD: gia hạn tiến độ thực hiện đến ngày 20/5/2008; bổ sung chi phí lưu kho, bảo quản vật tư, thiết bị chờ lắp, điều chỉnh Hợp đồng cho phần lắp đặt khi Nhà nước có sự thay đổi về chế độ, chính sách tiền lương và điều chỉnh đơn giá cả máy thi công, thị trường có biến động lớn về giá cả vật tư, vật liệu phụ vụ công tác thi công lắp đặt.

Ngày 20/5/2008, Công ty cổ phần Đ1 3 và Liên danh nhà thầu ký Phụ lục hợp đồng số 161-PL/HĐ-XD: gia hạn tiến độ thực hiện đến ngày 30/3/2009; bổ sung khối lượng thiết bị đường ống áp lực đoạn từ mố néo 9 đến nhà máy; điều chỉnh dự toán lắp đặt tại thời điểm thi công...

Ngày 06/01/2009 Công ty cổ phần L3 ủy quyền cho L1 đại diện liên danh ký các phụ lục hợp đồng với Công ty cổ phần Đ1 3.

Ngày 23/3/2009, L1 ký Phụ lục hợp đồng số 03/PLHĐ-XD với Công ty cổ phần Đ1 3: Điều chỉnh tiến độ thực hiện đến ngày 23/3/2009; bổ sung hạng mục công việc gia công, chế tạo, lắp đặt hoàn chỉnh cấu kiện dầm cầu trục của nhà máy T1 với giá trị phát sinh là 844.707.048 đồng.

Ngày 31/03/2009, L1 và Công ty cổ phần Đ1 3 ký Phụ lục hợp đồng 04/PLHĐ-XD điều chỉnh tiến độ thực hiện Hợp đồng đến 15/8/2009.

Ngày 27/7/2009, hai bên ký Phụ lục Hợp đồng số 05/PLHĐ-XD bổ sung giá trị Hợp đồng 3.993.096.186 đồng.

Hợp đồng số 18/HĐ-XD và các Phụ lục số 66-PL/HĐ-XD, Phụ lục S0161/PLHĐ-XD, Phụ lục số 03/PLHĐ-XD, Phụ lục số 05/PLHĐ-XD.

Ngày 02/6/2010, L1 và Công ty cổ phần Đ1 3 ký bảng tổng hợp giá trị quyết toán với tổng giá trị sau thuế là 31.525.527.982 đồng.

+ Biên bản làm việc ngày 17/5/2012 L và Công ty cổ phần Đ1 3 thống nhất số tiền Công ty cổ phần Đ1 3 còn nợ: 5.414.481.822 đồng và thống nhất lịch trình thanh toán đến hết quý I/2013 thanh toán 100%.

+ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2012: xác định Công ty cổ phần Đ1 3 còn nợ 5.214.324.742 đồng.

+ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2012: xác định Công ty cổ phần Đ1 3 còn nợ 3.914.324.742 đồng.

+ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2017: giá trị công nợ còn lại L1 xác định là 1.914.324.740 đồng.

Công ty cổ phần Đ1 3 xác định tiền nợ là 291.388.375 đồng và giải thích chênh lệch số tiền 1.622.936.367 đồng do giá trị quyết toán theo hồ sơ AB 31.525.527.982 đồng; giá trị quyết toán do cổ đông chi phối của Công ty cổ phần Đ1 3 thẩm tra và phê duyệt là 29.902.591.615 đồng

- Ngày 05/6/2013 L1 và Công ty cổ phần Đ1 3 đã ký Phụ lục sửa đổi số 2806 đối với hợp đồng số 18/HĐ-XD ngày 22/11/2006 nội dung: do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, hai bên thống nhất kéo dài thời hạn trả nợ đến năm 2013.

Yêu cầu Công ty cổ phần Đ1 3 phải thanh toán nợ gốc 1.914.324.742 đồng; lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 2.898.159.399 đồng, thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2014, lãi suất quá hạn của Ngân hàng B1.

*** Bị đơn: Công ty cổ phần Đ1 3:** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện và trình bày tổng giá trị hợp đồng số 18 đã điều chỉnh là 29.880.550.491 đồng, Công ty cổ phần Đ1 3 đã thanh toán 29.611.203.240 đồng, còn lại 291.388.375 đồng chưa thanh toán.

Giá trị thanh toán còn tranh chấp là 1.622.936.367 đồng mà Công ty cổ phần L1 yêu cầu Công ty cổ phần Đ1 3 thanh toán thực chất là các phần phát sinh ngoài hợp đồng, chưa đủ điều kiện thanh toán, cụ thể:

Chi phí làm sạch và siêu âm đường hàn để kiểm tra chất lượng đường ống 936.379.367 đồng; Chi phí gia công và lắp đặt các đoạn ống thẳng 413.996.829 đồng; Chi phí lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị chờ lắp đặt (phần phát sinh tăng chưa được chủ đầu tư phê duyệt) 272.560.170 đồng.

+ Chi phí làm sạch và siêu âm đường hàn để kiểm tra chất lượng đường ống có giá trị là 936.379.367 đồng, về bản chất, đây là yêu cầu kỹ thuật về "Thí nghiệm mối hàn".

Theo qui định tại khoản 5 mục V Phụ lục số IV kèm theo Hợp đồng số 18/HĐ-

XD ngày 22/11/2006 các bên đã ký (trang A1) nêu rõ:... “Nhà thầu phải kiểm tra bằng siêu âm đường hàn như sau: Đường hàn cấp 1: 100% chiều dài đường hàn; Đường hàn cấp 2: 100% chiều dài đường hàn; Đường hàn cấp 3: Không cần kiểm tra siêu âm”....

Tại điểm d trang 24/33 Phụ lục số IV Hợp đồng số 18 và Hồ sơ mời thầu nêu rõ: Đường hàn dọc là đường hàn cấp 1; đường hàn ngang là đường hàn cấp 2.

Như vậy, việc siêu âm 100% đường hàn dọc và đường hàn ngang là theo đúng hồ sơ mời thầu và Hợp đồng hai bên đã ký kết không tính là phát sinh. Theo qui định tại khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng số 18 qui định: Hình thức thực hiện hợp đồng là hợp đồng trọn gói, nhưng vẫn có thể điều chỉnh trong các trường hợp: điều chỉnh khối lượng thực hiện so với hợp đồng (đối với khối lượng phát sinh đã có đơn giá trong Hợp đồng thì giá trị phần phát sinh được tính theo đơn giá đó; nếu khối lượng công việc thay đổi so với Hợp đồng lớn hơn 20% thì hai bên thỏa thuận xác định đơn giá mới).

Căn cứ vào Phụ lục số IV và Điều 6 Hợp đồng số 18, phía Công ty cổ phần Đ1 3 không chấp nhận phê duyệt quyết toán và thanh toán khoản tiền này vì: Hồ sơ mời thầu và Hợp đồng các khối lượng “ làm sạch mối hàn và kiểm tra X quang và siêu âm” & “kiểm tra X quang mối hàn thép ngoài hồ” là khối lượng thuộc phần việc “Thử nghiệm thủy lực đường ống”. Trong đơn giá chế tạo đường ống theo Hợp đồng số 18 đã có đầy đủ thành phần chi phí công việc siêu âm đường hàn với 100% đường hàn cấp 1 và cấp 2 (đường hàn dọc và ngang) nên không bóc tách riêng khối lượng siêu âm loại này thành chi phí phát sinh. Thực tiễn, trong quá trình thực hiện hai bên không có Phụ lục hợp đồng để xác định đơn giá, khối lượng, giá trị phần việc bổ sung này.

Vì là Hợp đồng trọn gói, các công việc đã được qui định tại Hợp đồng và tính vào đơn giá hợp đồng trọn gói nên đề nghị thanh toán số tiền này của Công ty cổ phần L1 là không phù hợp với Hồ sơ mời thầu và Phụ lục hai bên đã ký kết, do vậy không đủ điều kiện thanh toán.

+ Chi phí gia công và lắp đặt các đoạn ống thẳng với số tiền là 413.996.829 đồng. Công ty cổ phần L1 thì đây là chi phí phát sinh thực tế khi thi công làm tăng thêm 12.59 tấn thép đường ống áp lực.

+ Do hợp đồng ban đầu giữa hai bên được mời thầu và dự thầu theo hình thức hợp đồng “trọn gói” nên Nhà thầu Công ty cổ phần L1 khi tham gia đấu thầu phải có trách nhiệm kiểm tra bóc tách khối lượng và thực hiện các yêu cầu kỹ thuật đã nêu tại hồ sơ mời thầu. Khi phát sinh thiếu so với hồ sơ mời thầu, tại giai đoạn thương thảo Hợp đồng, Công ty cổ phần L1 phải có ý kiến ngay để điều chỉnh giá trị hợp đồng, tuy nhiên Công ty cổ phần L1 đã chấp nhận và không có ý kiến điều chỉnh.

Tại giai đoạn thực hiện thi công, Công ty cổ phần L1 không lập dự toán bổ sung và thương thảo ký kết Phụ lục hợp đồng để xác định đơn giá, khối lượng, giá trị bổ sung này. Bản vẽ hoàn công đúng với bản vẽ thiết kế, không có thay đổi nào thể hiện phần việc này được phát sinh.

+ Chi phí lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị chờ lắp đặt (phần phát sinh tăng chưa được chủ đầu tư phê duyệt): 272.560.170 đồng. Thời gian xây dựng kéo dài hơn so với kế hoạch, nên Công ty cổ phần Đ1 3 chấp nhận về số liệu nhưng hiện nay hồ sơ quyết toán không đầy đủ nên không thể thanh toán.

- Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh, Công ty cổ phần Đ1 3 không đồng ý thanh toán vì hai bên đang tranh chấp về khối lượng và giá trị thanh toán nên các bên chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán và hợp đồng không có bất cứ điều khoản nào quy định về việc bị đơn bị phạt chậm trả hay lãi chậm thanh toán.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần L3: đã được tổng đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng không có lời khai.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 28/5/2024 của TAND quận T xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần L1 đối với Công ty cổ phần Đ1 3 về việc tranh chấp Hợp đồng kinh tế số 18/HĐ - XD ngày 22/11/2006 (thanh toán tiền nợ gốc và lãi chậm trả).

Buộc Công ty cổ phần Đ1 3 phải thanh toán trả Công ty cổ phần L1 tổng số tiền là 4.812.484.141 đồng, trong đó bao gồm:

- Tổng số tiền nợ gốc là 1.914.324.742 đồng.
- Tổng số tiền nợ lãi tính đến ngày 28/5/2024 là: 2.898.159.399 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ phải chịu án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty cổ phần Đ1 3 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án có nội dung chính: Tại phiên tòa HĐXX đã thực hiện đúng quy định và yêu cầu chung của phiên tòa phúc thẩm: Thành phần HĐXX phúc thẩm, phạm vi xét xử phúc thẩm đúng quy định tại Điều 64 và Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại

phiên tòa, các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần Đ1 3. Sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu thanh toán chi phí gia công và lắp đặt các đoạn ống thẳng 413.996.829 đồng của L1. Công ty cổ phần Đ1 3 phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền 1.227.798.742 đồng.

- Án phí KDTM phúc thẩm: Công ty cổ phần Đ1 3 phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

- Đơn kháng cáo và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của Công ty cổ phần Đ1 3 làm và nộp trong thời hạn luật định nên kháng cáo được chấp nhận về hình thức.

- Thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận T giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về thời hiệu khởi kiện: từ năm 2014 Công ty cổ phần Đ1 3 đã có văn bản làm việc xác nhận công nợ chưa thống nhất đối với chi phí phát sinh; Ngày 13/4/2016 trên cơ sở đề nghị của L1 hai bên đã lập biên bản làm việc xác nhận công nợ không thống nhất, L1 khẳng định nếu quá thời hạn 15 ngày mà Công ty cổ phần Đ1 3 chưa thanh toán giá trị công nợ thì hai bên sẽ tiến hành giải quyết các vấn đề chưa không thống nhất theo quy định trong Hợp đồng và theo quy định của pháp luật. Năm 2018 hai bên tiến hành lập biên bản làm việc không thống nhất được. Ngày 17/12/2019 Tòa án nhân dân quận T nhận được đơn khởi kiện của L1, như vậy xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

- Tư cách khởi kiện: Khi L1 khởi kiện thì L3 đã được thông báo, triệu tập được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng L3 không có ý kiến gì nên xác định L1 khởi kiện là thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng.

Về nội dung:

[1]. Xét Hợp đồng kinh tế số 18/HĐ-XD ngày 22/11/2006 và các phụ hợp hợp đồng kèm theo được ký kết bởi liên danh L, Công ty L1 và Công ty cổ phần Đ1 3 để thực hiện Gói thầu NĐ-13 gia công lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công nhà máy T1. Tổng giá trị hợp đồng số 18/HĐ-XD ngày 22/11/2006 là 25.042.747.257 đồng.

- Phụ lục hợp đồng số 66-PL/HĐ-XD ngày 12/11/2007

Nội dung: Gia hạn hợp đồng ngày hoàn thành 20/5/2008;

Giá trị hợp đồng: Bổ sung chi phí lưu kho, bảo quản vật tư, thiết bị chờ lắp đặt, điều chỉnh giá hợp đồng cho phần lắp đặt khi: Nhà nước có sự thay đổi về chế độ chính sách tiền lương và điều chỉnh đơn giá ca máy thi công, thị trường có biến động lớn về giá vật tư, vật liệu phục vụ công tác thi công lắp đặt. Nhà thầu thi công có trách nhiệm lập dự toán điều chỉnh phát sinh tăng trước khi thực hiện công tác lắp đặt. Chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt dự toán điều chỉnh trong thời gian 28 ngày kể từ ngày nhà thầu trình hồ sơ dự toán điều chỉnh.

- *Phụ lục hợp đồng số 161-PL/HĐ-XD ngày 12/11/2007*

Nội dung: Gia hạn hợp đồng ngày hoàn thành 30/3/2009; Điều chỉnh dự toán lắp đặt tại thời điểm thi công.

- *Phụ lục Hợp đồng số 03/PLHĐ-XD ngày 23/3/2009.*

Nội dung của phụ lục này: Thực hiện gia công, chế tạo, lắp đặt hoàn chỉnh cấu kiện dầm cầu trục của nhà máy N. Nhà thầu sẽ gia công chế tạo và lắp đặt cấu kiện dầm cầu trục của nhà máy N với khối lượng là 23.636 kg thép phi tiêu chuẩn, theo đúng hồ sơ thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giá trị phụ lục HĐ là 844.707.048 đồng.

- *Phụ lục Hợp đồng số 05/PLHĐ-XD ngày 27/9/2009 .*

Giá trị bổ sung Hợp đồng là 3.993.096.186 đồng.

Nội dung theo như Hợp đồng 18/HĐ-XD ngày 22/11/2006 và các phụ lục hợp đồng: Gồm phụ lục hợp đồng số 66; phụ lục hợp đồng số 161; phụ lục hợp đồng số 03; phụ lục hợp đồng số 04.

Nâng tổng giá trị hợp đồng số 18/HĐ-XD ngày 22/11/2006 là 29.880.550.491 đồng.

Hợp đồng kinh tế số 18/HĐ-XD ngày 22/11/2006 và các phụ lục hợp đồng kèm theo được ký kết bởi liên danh L, Công ty L1 và Công ty cổ phần Đ1 3 để thực hiện Gói thầu NĐ-13 gia công lắp đặt thiết bị cơ khí thủy công nhà máy T1 đều do người có thẩm quyền của các bên tham gia ký kết tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2]. Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc: Quá trình thực hiện Hợp đồng, ngày 02/6/2010, người đại diện theo pháp luật của L1 và Công ty cổ phần Đ1 3 đã ký Bảng tổng hợp giá trị quyết toán giá trị theo hợp đồng là 31.525.527.982 đồng.

Trên cơ sở giá trị của bảng tổng hợp giá trị quyết toán, L1 và Công ty cổ phần Đ1 3 đã có Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2017, L1 xác nhận Công ty cổ phần Đ1 3 còn nợ là 1.914.324.740 đồng. Công ty cổ phần Đ1 3 xác nhận nợ 291.388.375 đồng.

Do đó L1 yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc là **1.914.324.742 đồng.**

Công ty cổ phần Đ1 3 không đồng ý thanh toán bao gồm: Chi phí lưu kho bãi:

272.560.170đồng; Chi phí gia công, lắp đặt các đoạn ống thẳng: 413.996.892đồng; Chi phí làm sạch và siêu âm đường hàn: 936.397.367đồng vì trừ khoản chi phí lưu kho bãi thì mục còn lại là phần phát sinh. Tổng số tiền là 1.622.936.367đồng.

Xét thấy: Hợp đồng số 18/HĐ-KT ngày 22/11/2006 quy định

Tại mục 6.2: quy định Về hợp đồng quy định: hình thức thực hiện của hợp đồng là hợp đồng trọn gói không thay đổi suốt thời gian thực hiện, trừ những trường hợp sau:

6.2.1. Bổ sung, điều chỉnh khối lượng thực hiện so với hợp đồng: nếu khối lượng công việc phát sinh đã có đơn giá ghi trong hợp đồng thì giá trị phát sinh được tính theo đơn giá đó.

Nếu khối lượng công việc phát sinh không có đơn giá ghi trong Hợp đồng thì giá trị phát sinh được tính theo đơn giá tại địa phương nơi xây dựng công trình nếu không có đơn giá tại địa phương hai bên thống nhất xây dựng mức giá mới và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để áp dụng.

- Nếu khối lượng công việc thay đổi (tăng hoặc giảm) so với Hợp đồng lớn hơn 20% thì hai bên có thể thỏa thuận xác định đơn giá mới.

+ Mục 7.2 thanh toán hợp đồng: Bên A sẽ thanh toán cho bên B theo tiến độ và theo giá trúng thầu trên cơ sở nghiệm thu khối lượng và chất lượng giữa A, B và các đơn vị tư vấn.

Như vậy Hợp đồng vẫn quy định về phần bổ sung, điều chỉnh khối lượng thực hiện ngoài khối lượng hợp đồng nhận thầu. Đối với chi phí gia công, lắp đặt đoạn ống thẳng và Chi phí làm sạch và siêu âm đường hàn mà nguyên đơn yêu cầu thanh toán là phần khối lượng tăng lên. Phần khối lượng này đã được nghiệm thu, lên tổng hợp chi tiết khối lượng thanh toán cho có tư vấn giám sát ký, cán bộ ban Q, chủ đầu tư ký.

Sau đó hai bên L1 và Công ty cổ phần Đ1 3 đã ký Bảng tổng hợp giá trị quyết toán ngày 02/6/2010 xác định giá trị đã thi công.

Đến năm 2012 Công ty cổ phần Đ1 3 vẫn ký xác nhận công nợ trên khối lượng giá trị quyết toán năm 2010, L1 đã xuất hóa đơn trên giá trị này.

Đến năm 2014 sau khi tổ quyết toán của cổ đông Công ty Đ3 kiểm tra xem xét hồ sơ quyết toán gói thầu ND 13 có ý kiến:

- Khối lượng hàn (loại 1 và loại 2) trong hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu đều nêu rõ phải siêu âm 100% khối lượng 1563,2md và cho rằng hợp đồng trọn gói với khối lượng đã được xác nhận tại Hợp đồng. Do đó công ty L1 đề nghị thanh toán với khối lượng đường hàn và siêu âm 4045,29md là không có căn cứ.

- Khối lượng phát sinh ống thẳng 13,3 tấn không tìm thấy cơ sở pháp lý. Do đó phần khối lượng này cũng không có cơ sở quyết toán

- Phần lưu kho bãi nhà thầu không cung cấp được hồ sơ nghiệm thu khối

lượng phát sinh này vì nhà thầu chưa lập dự toán nên giá trị này không được đưa vào hồ sơ quyết toán.

Việc này đã được Công ty cổ phần Đ1 3 thông báo cho nhà thầu L1.

Sau đó hai bên chủ đầu tư và nhà thầu có những văn bản làm việc không thống nhất được số công nợ.

Theo báo cáo kiểm toán: đối với chi phí phát sinh không có phụ lục hợp đồng bổ sung, chưa được phê duyệt dự toán cụ thể:

- Chi phí gia công và lắp đặt các đoạn ống thẳng (đường ống áp lực) phát sinh số tiền 413.996.501 đồng.

- Chi phí làm sạch mỗi hàn và kiểm tra mỗi hàn bằng siêu âm là 936.379.367 đồng.

Sau khi xem xét số liệu báo cáo kiểm toán, các tài liệu quyết toán cùng hồ sơ có liên quan Tổng công ty Đ4 có ý kiến:

+ *Thiếu nhật ký thi công liên quan.*

+ *Phụ lục hợp đồng số 28.05/PLHĐ-XD được ký vào ngày 28/5/2010 là không đúng thời điểm so với các biên bản nghiệm thu lưu kho bãi.*

+ *Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành đại diện ký vào biên bản theo pháp luật của bên nhà thầu trong thành phần tham gia nghiệm thu không đúng, đồng thời biên bản không ghi ngày tháng rõ ràng.*

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng số 18/HĐ-XD về hình thức là hợp đồng trọn gói là giá trị của Hợp đồng được xác định ngay khi các bên ký hợp đồng xây dựng để thực hiện một phần hoặc toàn bộ công trình, hạng mục công trình.

Thực tế khi bản vẽ hoàn công vẫn đúng như bản vẽ thiết kế, việc này đã được xem xét kỹ mục phát sinh này nên không có căn cứ chấp nhận. Hơn nữa hợp đồng trọn gói nên nhà thầu tham gia phải tự bóc tách khối lượng và thực hiện các yêu cầu kỹ thuật đã nêu tại hồ sơ mời thầu. Vì vậy khối lượng siêu âm X quang chiều dài đường hàn phát sinh trên không được cấp có thẩm quyền phê duyệt vì phần nội dung này thuộc trách nhiệm kiểm tra, đảm bảo chất lượng sản phẩm của nhà thầu.

Đối với chi phí gia công và lắp đặt các đoạn ống thẳng và chi phí làm sạch mỗi hàn và kiểm tra mỗi hàn bằng siêu âm phát sinh: Do hai bên không lập dự toán phát sinh và không có phụ lục hợp đồng bổ sung giá trị, không được đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư chấp thuận, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận buộc bị đơn phải trả đối với hai khoản tiền này cho công ty L1 là không có căn cứ.

Đối với phần chi phí lưu kho bãi đã được chủ đầu tư và nhà thầu ký phụ lục, quá trình thực hiện hợp đồng thời gian kéo dài nên hồ sơ quyết toán phần này có sự thất lạc, thực tế chủ đầu tư cũng không yêu cầu nhà thầu cung cấp từ khi thi công xong Hợp đồng 18 nên chi phí này buộc chủ đầu tư phải có trách nhiệm chi trả cho nhà thầu theo đúng hai bên đã ký phụ lục hợp đồng.

[3]. Về tiền lãi chậm thanh toán:

Việc Công ty cổ phần Đ1 3 chậm thanh toán nên L1 yêu cầu lãi chậm thanh toán là đúng quy định tại Điều 43 Nghị định 37/2015 của Chính phủ để thi hành Luật xây dựng nên có căn cứ chấp nhận.

Công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng, 02 bên ký xác nhận Bảng tổng hợp giá trị quyết toán ngày 02/10/2010. Năm 2012 Công ty cổ phần Đ1 3 đã ký xác nhận công nợ. Ngày 05/6/2013 L1 và Công ty cổ phần Đ1 3 ký Phụ lục sửa đổi số 2806 thống nhất kéo dài thời hạn trả nợ đến năm 2013. Do vậy L1 yêu cầu lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm theo từng thời kỳ tương ứng với số tiền còn nợ, với lãi suất của Ngân hàng B1 nơi L1 mở tài khoản đối với yêu cầu được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy số tiền 291.338.375 đồng hai bên đương sự không có tranh chấp nên buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả lãi là đúng quy định của pháp luật. Sửa một phần lãi suất của cấp sơ thẩm.

Đối với số tiền lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị chờ lắp đặt là 272.560.170 đồng. Công ty Đ1 3 đã đồng ý thanh toán nhưng L1 không hoàn thiện được hồ sơ thanh toán nên xác định hai bên đều có lỗi không chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả đối với khoản tiền lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị chờ lắp đặt.

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Đ1 3.

Đối với số tiền nợ 291.388.375 đồng các bên đã xác nhận số nợ nên buộc bị đơn phải thanh toán và trả lãi chậm trả là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị chờ lắp đặt là 272.560.170 đồng, xác nhận việc chậm trả do lỗi của hai bên nên buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả số tiền gốc.

Đối với khoản chi phí gia công và lắp đặt các đoạn ống thẳng (đường ống áp lực) giá trị là 413.996.829 đồng và chi phí làm sạch và siêu âm đường hàn để kiểm tra chất lượng đường ống có giá trị 936.379.367 đồng. Như đã phân tích ở trên xác định là hợp đồng trọn gói nhưng vẫn có thể điều chỉnh trong trường hợp: điều chỉnh khối lượng thực hiện so với hợp đồng (đối với khối lượng phát sinh đã có đơn giá trong Hợp đồng thì giá trị phân phát sinh được tính theo đơn giá đó, nếu khối lượng công việc thay đổi so với Hợp đồng lớn hơn 20% thì hai bên thỏa thuận xác định đơn giá mới). Trong Hợp đồng số 18/HĐ-XD ngày 22/11/2006 các bên đã ký:

Nhà thầu phải kiểm tra bằng siêu âm đường hàn như sau:

Đường hàn cấp 1: 100% chiều dài đường hàn

Đường hàn cấp 2: 100% chiều dài đường hàn

Đường hàn cấp 3: không cần kiểm tra siêu âm

Tại biên bản làm việc ba bên gồm có chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, nhà thầu đã

thống nhất nội dung mà bị đơn đưa ra văn bản 294/CV-NED13-KT ngày 24/4/2007.

Thực tế theo hồ sơ không có bản vẽ, không có dự toán bổ sung, các bên không ký phụ lục hợp đồng để xác định đơn giá, khối lượng và giá trị bổ sung. Chủ đầu tư đã trình giá trị tranh chấp này nhưng tổng công ty Đ4 không chấp thuận, Báo cáo kiểm toán đối với chi phí phát sinh không có phụ lục hợp đồng bổ sung, chưa được phê duyệt dự toán nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu kháng cáo của bị đơn là có căn cứ cần chấp nhận đối với hai khoản tiền trên.

Từ những phân tích trên chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần Đ1 3.

- Về án phí Công ty cổ phần Đ1 3 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần L1 phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ những nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần Đ1 3. Sửa Bản án sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 28/5/2024 của Tòa án nhân dân quận T.

1. Buộc Công ty cổ phần Đ1 3 phải thanh toán trả cho Công ty L1 số tiền nợ: Gồm tiền nợ còn lại chưa thanh toán là 291.388.375 đồng và số tiền lưu kho bãi, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị chờ lắp đặt là 272.560.170 đồng, cộng lại là 563.948.545 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm trả là 357.298.030 đồng. **Tổng 921.246.575 đồng.**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần Đ1 3 phải chịu là 39.637.397 đồng.

Công ty cổ phần L1 phải chịu 109.824.751 đồng đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận. được trừ với số tiền 35.144.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003983 ngày 26/5/2020 và số tiền 43.900.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

0002398 ngày 19/02/2024. Công ty cổ phần L1 còn phải nộp tiếp số tiền 30.780.751 đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần Đ1 3 không phải chịu án phí phúc thẩm. Số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền án phí phải nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002562 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận T. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (Ngày 04/12/2024)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND quận T
- Chi cục THADS ;
- Lưu HS/VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mai